TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **22**/2024/DS-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v: "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạmh Văn Khuyến**
Ông Nguyễn Sỹ Luận

Thư ký phiên tòa: **Bà Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: **Ông Phan Tuấn Đạt** –Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2024/TLST - DS ngày 28-02-2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Xuân C** - sinh năm 1962. Có mặt
Bà **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1969. Vắng mặt
Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Bà **Trần Thị Sáu N** - sinh năm 1957. Có mặt
Ông **Lê Thanh M** - sinh năm 1952. Có mặt
Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và lời khai lưu tại hồ sơ, nguyên đơn ông Huỳnh Xuân C và bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Ngày 29/8/2018, ông bà có cho vợ chồng ông M, bà N vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 20%/năm. Hai bên có viết giấy vay tiền, ông M, bà N trực tiếp ký vào giấy vay tiền. Tuy nhiên từ khi vay

đến nay, ông bà M, N chưa trả ông bà số tiền nào cả gốc và lãi. Do đó, ông bà đề nghị Toà án giải quyết buộc ông M, bà N trả số tiền nợ gốc 50 triệu đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

*** Bị đơn bà Trần Thị Sáu N và ông Lê Thanh M trình bày:**

Ông M thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên Lê Thanh M trong giấy vay tiền lập ngày 29/8/2018 là chữ ký và chữ viết của ông M, bà N không thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên Trần Thị Sáu N trong giấy vay tiền là chữ ký, chữ viết của bà. Tuy nhiên, ông bà đều thừa nhận có vay vợ chồng ông C số tiền 50 triệu đồng nhưng không nhớ thời gian vay, tiền lãi 05 triệu đồng/tháng. Ông bà đã trả đầy đủ số tiền nợ gốc 50 triệu đồng và tiền lãi cho vợ chồng ông C bằng hình thức trả góp hàng ngày. Khi trả tiền thì ông bà chỉ đưa tay cho ông C mà không viết giấy tờ gì nên không có căn cứ chứng minh đã trả tiền. Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà T.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc ông M, bà N trả số tiền nợ gốc 50 triệu đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Bị đơn ông M, bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Xuân C và bà Nguyễn Thị T; buộc ông Lê Thanh M và bà Trần Thị Sáu N phải trả số tiền nợ gốc 50 triệu đồng cho ông C, bà T. Thời hạn trả tiền theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của đương sự và căn cứ vào ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn ông Huỳnh Xuân C và bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Thanh M và bà Trần Thị Sáu N phải trả số tiền nợ vay. Bị đơn ông M, bà N cư trú tại thôn Tân Lực, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông C, bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông M, bà N trả số tiền nợ gốc 50 triệu đồng. Nguyên đơn xuất trình căn cứ khởi kiện là Giấy vay tiền lập ngày 29/8/2018 có nội dung ông M, bà N vay bà T số tiền 50 triệu đồng, thời hạn vay 01 tháng. Mặc dù bà N không thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên Trần Thị Sáu N trong giấy vay tiền là chữ ký và chữ viết của bà nhưng cả bà N và ông M đều thừa nhận có vay ông bà C, T số tiền 50 triệu đồng, ông bà không nhớ thời điểm vay. Ông M, bà N không đồng ý trả tiền vì cho rằng đã trả hết số tiền nợ gốc 50 triệu đồng và tiền lãi cho ông C, bà T nhưng ông bà không có chứng cứ chứng minh đã trả tiền. Do đó, căn cứ vảo Giấy vay tiền lập ngày 29/8/2018, lời khai thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc ông M, bà N trả ông C, bà T số tiền nợ gốc 50 triệu đồng.

[2]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, do bị đơn đều đã trên 60 tuổi nên miễn án phí cho bị đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 274, 275, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Xuân C và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Lê Thanh M và bà Trần Thị Sáu N có nghĩa vụ liên đới trả ông Huỳnh Xuân C và bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông M, bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M, bà N chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

3/Về án phí: Miễn án phí cho ông Lê Thanh M và bà Trần Thị Sáu N.

Trả lại ông Huỳnh Xuân C và bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0011067 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hải

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Phú Riềng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*